

UNIT 17: WHAT WOULD YOU LIKE TO EAT?**LESSON 2****I. NEW WORDS**

- fresh	: tươi, trong lành
- sausage	: xúc xích, Lạp xưởng
- bottle	: chai, lọ
- butter	: bơ
- label	: dán nhãn
- a little	: một ít
- most	: hầu hết, đa số, phần lớn
- thirsty	: khát nước
- eating habit	: thói quen ăn uống
- bowl	: cái bát
-	